

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 252/2023/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 23/3/2023

V/v : Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 935/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số 1224 đường A, Phường 5, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh;

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quang B; Sinh năm 1963;

Nơi ĐKTT: Số 1224 đường A, Phường 5, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Số 05 đường C, Phường 5, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh Trần Quang B chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2007. Tuy nhiên, do không hiểu biết pháp luật nên chị L và anh

B không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị L và anh B có 02 con chung tên:

1. Trần Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 10/4/2007

2. Trần Nguyễn Quang M, sinh ngày 04/11/2010.

Đến năm 2015 giữa chị L và anh B bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hoà hợp dẫn đến vợ chồng thường phát sinh cãi vã, đời sống hôn nhân rất nặng nề, mệt mỏi. Mặc dù đã cố gắng tự hoà giải, hàn gắn nhưng không thành mà càng làm cho mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng nên cả hai đã không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh B là không thể hàn gắn, cả hai không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, để giải quyết rõ ràng về pháp lý cho cả hai, chị L đã nộp đơn đến Toà án nhân dân Quận 8 khởi kiện anh B để yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang B.

- Về con chung: Đề nghị Toà án giao cả hai con chung Thảo N và Quang M cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng vì cả hai trẻ đang sinh sống ổn định với chị L. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị L yêu cầu được tự thoả thuận về tài sản chung với anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L xác định giữa chị L và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quang B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Quang B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Anh B đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập dự phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn – anh Trần Quang B có cư trú tại Quận 8, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”*. Vì vậy, quan hệ giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Căn cứ lời trình bày của chị L cho thấy, quá trình chung sống giữa chị L và anh B phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm, lối sống và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập nhiều lần đối với anh B đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải nhưng anh B vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện anh B không còn quan tâm đến mối quan hệ giữa chị L và anh B. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang B là vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về việc nuôi con chung: Chị L xác định giữa chị L và anh B có hai con chung tên:

1. Trần Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/4/2007

2. Trần Nguyễn Quang M, sinh ngày 04/11/2010.

Chị L đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị L, do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa đón học hành. Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 17/02/2023, trẻ Thảo N và Quang M cùng có văn bản thể hiện ý kiến muốn được sống chung với mẹ.

Xét yêu cầu của chị L là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai trẻ Trần Nguyễn Thảo N và Trần Nguyễn Quang M cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị L không có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L yêu cầu được tự thỏa thuận về tài sản chung với anh B và tự xác định giữa chị L và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của anh B về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 9; Điều 14, 15, 16; Điều 53; Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang B.

2. Về nuôi con chung: Chị L và anh B có hai con tên:

+ Trần Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/4/2007;

+ Trần Nguyễn Quang M, sinh ngày 04/11/2010.

Giao hai trẻ Trần Nguyễn Thảo N và Trần Nguyễn Quang M cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Ghi nhận việc chị L không có yêu cầu tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Quang B cho đến khi có yêu cầu.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017320 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADSQ8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSNDQ8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính